

Số: 416/QĐ-SKHĐT

Trà Vinh, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ dự toán năm 2020 cho
các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán năm 2020 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh như phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí tại phụ lục đính kèm đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGĐ Sở;
- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh;
- KBNN Trà Vinh;
- Lưu: VP.TA.7



KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vương Hải Khoa

PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2020

Đính kèm Quyết định số **AG** /QĐ-SKHĐT ngày 31/12/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Chương 413*

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị			
		Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Hiệp hội Doanh nghiệp	BQLDA Doanh nghiệp nhỏ và vừa
I. KINH PHÍ TỰ CHỦ	<u>5.552.000.000</u>	<u>4.541.000.000</u>	<u>1.011.000.000</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
Sở Kế hoạch và Đầu tư (340- 341)	4.541.000.000	4.541.000.000			
Trung tâm XTĐT và HTDN (280- 321)	1.011.000.000		1.011.000.000		
II. KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ	<u>31.990.000.000</u>	<u>2.283.000.000</u>	<u>2.061.000.000</u>	<u>1.083.000.000</u>	<u>26.683.000.000</u>
Sở Kế hoạch và Đầu tư (340- 341)	1.768.000.000	1.768.000.000			
Sở Kế hoạch và Đầu tư (340- 341) Vốn ODA của SME, mã CTMT 00959; mã nguồn: 29	455.000.000	455.000.000			
Trung tâm XTĐT và HTDN (280 - 321)	2.051.000.000		2.051.000.000		
Hiệp hội Doanh nghiệp (340 - 362)	963.000.000			963.000.000	
Hiệp hội Doanh nghiệp (340 - 362) Vốn ODA của SME, mã CTMT 00959; mã nguồn: 29					120.000.000



BQL DA SME (400 - 428); Vốn viện trợ (ODA), mã CTMT 00959; mã nguồn: 29	24.883.000.000				24.883.000.000
BQL DA SME (400 - 428); Vốn đối ứng; mã nguồn: 12	1.800.000.000				1.800.000.000
Sở Kế hoạch và Đầu tư (070 - 082)	60.000.000	60.000.000			
Trung tâm XTĐT và HTDN (070 - 085)	10.000.000		10.000.000		
TỔNG CỘNG	37.662.000.000	6.824.000.000	3.072.000.000	1.083.000.000	26.683.000.000

Tổng số tiền bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu đồng./.

Ghi chú:

Đã trừ tiết kiệm 10% năm 2020:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: 165.000.000 đồng

- Chi thường xuyên: 102.000.000 đồng
- Chi sự nghiệp -MSSC lớn: 63.000.000 đồng

2. Trung tâm XTĐT và HTDN: 315.000.000 đồng

- Chi thường xuyên: 26.000.000 đồng
- Chi sự nghiệp: 289.000.000 đồng

3. Hiệp hội doanh nghiệp: 41.000.000 đồng

- Chi thường xuyên: 8.000.000 đồng
- Chi sự nghiệp: 33.000.000 đồng